

- Trước khi đóng điện nghiệm thu công trình lưới điện cao áp, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải hoàn thành việc di dời hoặc cải tạo nhà ở, công trình, chặt tỉa cây... theo quy định của Nghị định số 54/CP. Những tồn tại hoặc phát sinh mới chưa thể xử lý được phải lập thành biên bản riêng, có sự thỏa thuận của đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền về nội dung, biện pháp, thời gian khắc phục.

- Chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến đền bù, di dời, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp cho đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền. Các hồ sơ này phải có xác nhận của Hội đồng đền bù và của người được đền bù.

b) Đối với đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền:

- Những vấn đề tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp do việc chuyển đổi thực hiện Nghị định số 70-HĐBT qua thực hiện Nghị định số 54/CP, nếu trách nhiệm thuộc chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp thì đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền phải thống kê, lập phương án cải tạo, khắc phục và lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

- Nếu trách nhiệm thuộc tổ chức, cá nhân khác thì được thống kê riêng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xử lý theo thẩm quyền.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc mới phát sinh cần phải xử lý, đề nghị gửi văn bản về Bộ Công nghiệp để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Thứ trưởng

HOÀNG TRUNG HẢI

THÔNG TƯ số 08/2001/TT-BCN ngày 14/9/2001 sửa đổi một số Danh mục hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2001/TT-BCN ngày 26/4/2001 của Bộ Công nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005;

Để tiện lợi trong việc tra cứu tên gọi và công thức các loại hóa chất, Bộ Công nghiệp hướng dẫn sửa đổi một số Danh mục hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 (được xếp theo vần ABC) ban hành kèm theo Thông tư số 01/2001/TT-BCN ngày 26/4/2001, như sau:

1. Danh mục hóa chất độc hại cấm xuất khẩu, nhập khẩu (Phụ lục số 1/SD) thay thế cho Danh mục hóa chất độc hại cấm xuất khẩu, nhập khẩu (Phụ lục số 1);

2. Danh mục hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2/SD) thay thế cho Danh mục hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2);

3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

Thứ trưởng

NGUYỄN XUÂN THÚY

Phụ lục số 1/SĐ

DANH MỤC HÓA CHẤT ĐỘC HẠI CẤM XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 08/2001/TT-BCN ngày 14/9/2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

A. NHÓM HÓA CHẤT CÓ TÍNH ĐỘC HẠI MẠNH:

Số thứ tự	Tên hóa chất	Công thức
1	24,5 T (Brochtox, Decamine)	
2	Aldrin (Aldrex, Aldrite...)	$C_{12}H_8Cl_6$
3	Acid cyanic	HCN
4	BHC (lindane)	$C_6H_6Cl_6$
5	Captan	$C_9H_8O_2NSCl_3$
6	Captofol	
7	Chlordane	$C_{10}H_6Cl_8$
8	DDT (dichlorodiphenyltrichloroethane)	
9	Dieldrin	$C_{12}H_8Cl_6O$
10	Endrin	$C_{12}H_8OCl_6$
11	Ethyl parathion	
12	Heptachlor	$C_{10}H_7Cl_7$
13	Hexachlorobenzene	C_6Cl_6
14	Isobenzene	
15	Isodrin	
16	Methamidophos	$CH_3OCH_3SPONH_2$
17	Methyl parathion	
18	Mirex	
19	Monocrotophos	$C_2H_{14}NO_5P$
20	Phosphamidon	$C_{10}H_{19}NO_5P$
21	Polychlorinated	
22	Strobane	
23	Toxaphene	$C_{10}H_{10}Cl_8$

B. NHÓM HÓA CHẤT CẤM KINH DOANH, SỬ DỤNG THEO CÔNG ƯỚC VỀ VŨ KHÍ HÓA HỌC:

Số thứ tự	Tên hóa chất
1	2,2 - Diphenyl - 2- hydroxyacetic acid, (76 - 93 - 7)*
2	Alkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphonyldifluorides
3	Amiton: O,O-Diethyl S - [2 - (diethylamino) ethyl] Phosphorothiolate, (78 - 53 - 5)* và các muối: alkylat hoặc protonat tương ứng.
4	BZ: 3 - Quinuclidinyl benzilate, (6581 - 06 - 2)*
5	Chlorosarin: O - Isopropyl methylphosphonochloridate, (1445 - 76 - 7)*
6	Chloropicrin: Trichloronitromethane, (76 - 06 - 2)*
7	Chlorosoman: O-Pinacolyl methylphosphonochloridate, (7040 - 57-5)*
8	Dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) N,N - dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) - phosphoramidates

9	Lewisites Lewisites 1: 2 - chlorovinyl dichloroarsine, (541 - 25 - 3)* Lewisites 2: Bis(2 - chlorovinyl)chloroarsine, (40334 - 69 - 8)* Lewisites 3: Tris(2 - chlorovinyl)arsine, (40334 - 70 - 1)*
10	Methylphosphonyl dichloride, (676 - 97 - 1)* Dimethyl methylphosphonate, (756 - 79 - 6)*
11	N, N - Dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) aminoethane - 2 - ols và các muối protonat tương ứng.
12	N, N - Dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) aminoethane - 2 - thiols và các muối protonat tương ứng
13	N.N - Dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphoramidic dihalides
14	Nitrogen mustards: HN1: Bis(2 - chloroethyl) ethylamine, (538 - 07 - 8)* HN2: Bis(2 - chloroethyl) methylamine, (51 - 75 - 2)* HN3: Tris(2 - chloroethyl)amine, (555 - 77 - 1)*
15	O - Alkyl (H hoặc $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) S - 2 - dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) - aminoethyl alkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphonothiolates và các muối alkylat hoặc protonat tương ứng.
16	O - Alkyl (H hoặc $\leq C_{10}$ gồm cả cycloalkyl) O - 2 - dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) - aminoethyl alkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphonites và các muối alkylat hoặc protonat tương ứng
17	O - Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) alkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphonofluoridates
18	O - Alkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N,N - dialkyl (Me, Et, n - Pr hoặc i - Pr) phosphoramidocyanidates
19	PFIB: 1, 1, 3, 3, 3 - Pentafluoro - 2 - (trifluoromethyl) - 1 - propene, (382 - 21 - 8)*
20	Phosgene: Carbonyl dichloride, (75 - 44 - 5)*
21	Pinacolyl alcohol: 3,3 - Dimethylbutan - 2 - ol, (464 - 07 - 3)*
22	Quinuclidin - 3 - ol, (1619 - 34 - 7)*
23	Ricin, (9009 - 86 - 3)*
24	Saxitoxin, (35523 - 89 - 8)*
25	Sulfur mustards: 2 - Chloroethylchloromethylsulfide, (2625 - 76 - 5)* Mustard gas: Bis (2-chloroethyl) sulfide, (505 - 60 - 2)* Bis (2 - chloroethylthio) methane, (63869 - 13 - 6)* Sesquimustard: 1,2 - Bis (2 - chloroethylthio) ethane, (3563 - 36 - 8)* 1,3 - Bis (2 - chloroethylthio) - n - propane, (63905 - 10 - 2)* 1,4 - Bis (2 - chloroethylthio) - n - butane, (142868 - 93 - 7)* 1,5 - Bis (2 - chloroethylthio) - n - pentane, (142868 - 94 - 8)* Bis (2 - chloroethylthiomethyl) ether, (63918 - 90 - 1)* O-Mustard: Bis (2 - chloroethylthioethyl) ether, (63918 - 89 - 8)*
26	Thiodiglycol: Bis (2 - hydroxyethyl) sulfide, (111 - 48 - 8)*

Ghi chú: (*) là số Đăng ký Dịch vụ tóm tắt hóa chất (CAS No).

Phụ lục số 2/SD

DANH MỤC HÓA CHẤT ĐỘC HẠI VÀ SẢN PHẨM CÓ HÓA CHẤT ĐỘC HẠI
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ ĐIỀU KIỆN

(ban hành kèm theo Thông tư số 08/2001/TT-BCN ngày 14/9/2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp).

1	Acetonitrile	CH ₃ CN
2	Acid pechloric	HClO ₄
3	Acrolein	CH ₂ =CHCHO
4	Arsenua hydro	AsH ₃
5	Aldehyd acetic	CH ₃ CHO
6	Amiang nguyên liệu	
7	Amoniac	NH ₃ ; NH ₄ OH
8	Anhydride arsenic (arsen trioxide và arsen pentoxide)	As ₂ O ₃ , As ₂ O ₅
9	Anhydride carbonic	CO ₂
10	Anhydride cromic	CrO ₃
11	Aniline	C ₆ H ₅ NH ₂
12	Antimoane	Sb
13	Arsenium và các hợp chất của arsenium	
14	Acetic acid	CH ₃ COOH
15	Acid chlohydric và chlorua hydro (tính ra chloruahydro)	HCl
16	Acid nitric (tính ra N ₂ O ₅)	HNO ₃
17	Acid phosphoric	H ₃ PO ₄
18	Acid picric	C ₆ H ₃ O ₇ N ₃
19	Acid sulfuric và anhydride sulfuric	H ₂ SO ₄
20	Barium và hợp chất dễ tan của Barium	Ba; hợp chất dễ tan
21	Barium oxide chứa 10% SiO ₂ tự do	BaO
22	Benzene	C ₆ H ₆
23	Benzidine	C ₁₂ H ₁₂ N ₂
24	Bichromate of potask	K ₂ Cr ₂ O ₇
25	Bromine	Br
26	Bromoform	CHBr ₃
27	Bromo - methane	CH ₃ Br
28	Các hợp chất chứa nhóm CN và dẫn xuất từ hydro xyanua, HCN	
29	Carbon tetrachloride	CCl ₄
30	Cadmium và hợp chất	Cd
31	Carbon oxide	CO
32	Calcium chloride	CaCl ₂
33	Chì và hợp chất vô cơ của chì	Pb
34	Chloroform	CHCl ₃

35	Chlorine	Cl_2
36	Chlorobenzene	$\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$
37	1- Chloronaphthalene	$\text{C}_{10}\text{H}_7\text{Cl}$
38	0 - [2 - chloro - 1 - (2,5 - dichlorophenyl) - vinyl]] - 0 - 0 - diethyl phosphorothioate	
39	Chloride mercuric	HgCl_2
40	Chloroprene	$\text{C}_4\text{H}_5\text{Cl}$
41	Copper chloride	$\text{CuCl}; \text{CuCl}_2$
42	Dichlorobenzene	$\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$
43	Diethyl phosphite (762 - 04 - 9)*	$(\text{C}_2\text{H}_5\text{O})_2\text{HPO}$
44	Dimethyl phosphite (868 - 85 - 9)*	$(\text{CH}_3\text{O})_2\text{HPO}$
45	Dimethylamine	$(\text{CH}_3)_2\text{NH}$
46	N,N - dimethylformamide	$\text{HCON}(\text{CH}_3)_2$
47	Dinitrobenzene	$\text{C}_6\text{H}_4(\text{NO}_2)_2$
48	Dinitrochlorbenzene	$\text{C}_6\text{H}_3(\text{NO}_2)_2\text{Cl}$
49	Dinitrotoluene	$\text{CH}_3\text{C}_6\text{H}_3(\text{NO}_2)_2$
50	Dioxide chlor	ClO_2
51	Ethylene oxide	$(\text{CH}_2)_2\text{O}$
52	Ethyldiethanolamine (139 - 87 - 7)*	$\text{C}_2\text{H}_5\text{N}(\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH})_2$
53	Ethyl chloride	$\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$
54	Ethylene glycol	$\text{CH}_2\text{OH}-\text{CH}_2\text{OH}$
55	Ethyl mercuric phosphat	
56	Fluorosilicat kim loại tan và không tan	
57	Fluorine hydride	HF
58	Formaldehyde	HCHO
59	Furfurol	$\text{C}_4\text{H}_3\text{OCHO}$
60	Hỗn hợp tetra và pentan aphtalin bậc cao	
61	Hydrazine và dẫn chất	H_2NNH_2
62	Isopropaline	$\text{C}_{15}\text{H}_{23}\text{N}_3\text{O}_4$
63	Isopropylnitrat	$\text{C}_3\text{H}_7\text{NO}_3$
64	Iron oxide lẫn fluo và hợp chất mangan	$\text{FeO}, \text{Fe}_2\text{O}_3$
65	Metaldehyde	$(\text{CH}_3\text{CHO})_n$
66	Methyldiethanolamine (105 - 59 - 9)*	$\text{CH}_3\text{N}(\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH})_2$
67	Methyl alcohol	CH_3OH
68	Mercuric	Hg
69	Mercuric-compound (Hợp chất thủy ngân)	
70	Muối của acid fluorhydric tính ra HF	
71	n - Hexane	C_6H_{14}
72	n - Butanol	$\text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$
73	Nicotine	$\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{N}_2$
74	Nitrobenzene	$\text{C}_6\text{H}_5\text{NO}_2$

75	2 - nitro - 1 - hydroxybenzene - 4 - arsonic acid	
76	Nitrogen dioxide	NO ₂
77	Nitrotoluen	CH ₃ C ₆ H ₄ NO ₂
78	Nitride kim loại	
79	Nickel oxide	NiO
80	Oxynitrogene	N ₂ O, NO, NO ₂ , N ₂ O ₃ , N ₂ O ₅
81	Ozone	O ₃
82	Paranitrophenyl	C ₆ H ₄ (NO ₂) ₂
83	PCB (Polychlorinated biphenyl) và các hợp chất chứa PCB	
84	Parathion	(C ₂ H ₅ O) ₂ PSO-C ₆ H ₄ NO ₂
85	Phenol	C ₆ H ₅ OH
86	Phosphorus	P
87	Phosphorus oxychloride (10025 - 87 - 3)*	POCl ₃
88	Phosphorus pentachloride (10026 - 13 - 8)*	PCl ₅
89	Phosphuros trichloride (7719 - 12 - 2)*	PCl ₃
90	Phosphine	PH ₃
91	Phosphorus kim loại	
92	Pyridine	C ₅ H ₅ N
93	Selenium và hợp chất	Se
94	Sulfur dichloride, (10545 - 99 - 0)*	SCl ₂
95	Sulfur monochloride, (10025 - 67 - 9)*	SCI
96	Sulfur carbon	SC ₂
97	Sulfur lead	PbS
98	Sulfur hydro	H ₂ S
99	Talium	Tl
100	Tetranitromethane	C(NO ₂) ₄
101	Tetrachloroheptan	
102	Tetraethyl	(C ₂ H ₅) ₄
103	Tetraethyllead	Pb(C ₂ H ₅) ₄
104	Thionyl chloride, (7719 - 09 - 7)*	SOCl ₂
105	Toluene 2, 4 diisocyanate	CH ₃ C ₆ H ₃ (NCO) ₂
106	Trichlorobenzene	C ₆ H ₃ Cl ₃
107	Trichloroethylene	CHCl - CCl ₂
108	Triethanolamine (102 - 71 - 6)*	(HOCH ₂ CH ₂) ₃ N
109	Triethyl phosphite (122 - 52 - 1)*	(C ₂ H ₅) ₃ PO ₃
110	Trimethyl phosphite (121 - 45 - 9)*	(CH ₃) ₃ PO ₃
111	Trinitrobenzene	C ₆ H ₃ (NO ₂) ₃
112	Trinitro - compound (Hợp chất trinitro)	
113	Xylene	C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂

Ghi chú: (*) là số Đăng ký dịch vụ tóm tắt hóa chất (CAS No).